

57/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **01** tháng 12 năm 2021

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: **221**/2021/HĐ-VIMICO - CODECO

Thực hiện gói thầu: “Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền” thuộc Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu”.

giữa

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

và

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT.**



PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Luật Dân sự ngày 24/11/2015, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 05/2020/TT-BKHĐT ngày 30/6/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua mạng đấu thầu quốc gia;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ-VIMICO ngày 29/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Quyết định số 1005/QĐ-VIMICO ngày 08/9/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc phê duyệt dự toán “Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền”;

Quyết định số 1157/QĐ - TKV ngày 31/8/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 1 thuộc Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu”;

Quyết định số 1080/QĐ-VIMICO ngày 29/9/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu “Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền” thuộc Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu”;

Quyết định phê duyệt số 1286/QĐ-VIMICO ngày 10/11/2021 của Tổng giám đốc, Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật "Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền" thuộc đề tài: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu;

Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 19/11/2021 giữa Tổng công ty Khoáng sản – TKV và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện "Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền" thuộc đề tài: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu;

Quyết định số 1322/QĐ-VIMICO ngày 26/11/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền" thuộc đề tài: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2021 tại Tổng công ty Khoáng sản - TKV, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Bên A):

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Khoáng sản - TKV**
- Đại diện là: Ông **Lý Xuân Tuyên** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Địa chỉ: Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: 0246.287.6666 Fax: 0246.288.3333
- Tài khoản: 170 114851 000 017 tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên, Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền số 3003/GUQ-VIMICO ngày 02/11/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP).

II. Nhà thầu (sau đây gọi tắt là Bên B):

- Tên giao dịch: **Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (CODECO).**
- Đại diện là ông: **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 36, Ngõ 30, Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 755 0428
- Tài khoản số: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.
- Mã số thuế: 0101074336.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- 1.1. Chủ đầu tư: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
- 1.2. Nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (CODECO).
- 1.3. Tên công trình: "Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền" thuộc Đề tài "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu".
- 1.4. Gói thầu: "Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc

kiến tạo và khống chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền”.

1.5. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc.

1.6. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.

1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng “Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và khống chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền” thuộc Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu” theo quy định tại Điều 2.

1.8. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.9. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.10. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 15.

1.11. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 1322/QĐ-VIMICO ngày 26/11/2021;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn thực hiện “Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và khống chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền” thuộc Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu”;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

đ) Biên bản thương thảo hợp đồng;

e) Các phụ lục của hợp đồng;

f) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, trực tiếp hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Quản lý thực hiện hợp đồng

4.1. Quản lý tiến độ thực hiện hợp đồng: Khi ký kết hợp đồng các bên thống nhất tiến độ thực hiện hợp đồng, thời Điểm nghiệm thu giai đoạn, bàn giao sản phẩm phải phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng. Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của hợp đồng do lỗi của bên nhận thầu thì bên nhận thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì bên nhận thầu phải kiến nghị bên giao thầu gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì bên nhận thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho bên giao thầu thì phải bồi thường.

4.2. Quản lý chất lượng: Các công việc bàn giao sản phẩm của hợp đồng phải đảm bảo chất lượng của Hồ sơ kỹ thuật của gói thầu. Bên nhận thầu phải có biện pháp quản lý chất lượng do mình thực hiện và chất lượng công việc do nhà thầu phụ thực hiện (nếu có).

4.3. Quản lý khối lượng và giá hợp đồng: Các bên có trách nhiệm quản lý khối lượng công việc thực hiện và giá hợp đồng theo đúng hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng đã ký kết.

4.4. Quản lý Điều chỉnh hợp đồng: Trường hợp bên giao thầu yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong hợp đồng đã ký kết thì khối lượng công việc này phải được Điều chỉnh tương ứng. Việc Điều chỉnh khối lượng của hợp đồng (nếu có) thì các bên thống nhất Điều chỉnh trên cơ sở thỏa thuận thống nhất giữa các bên và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng.

5.1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện được thể hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Khảo sát, đo vẽ các yếu tố địa chất, địa mạo, kiến tạo và thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng ở khu vực mỏ đồng Sin Quyền trong toàn bộ diện tích cấp phép khai thác (2km^2). Diện tích, tọa độ điểm góc không chế khu vực nghiên cứu (*Chi tiết tại Phụ lục: 01 kèm theo hợp đồng*).

b) Khối lượng thực hiện hạng mục công việc: Khảo sát, thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai. (*Chi tiết tại các Phụ lục: 02 kèm theo hợp đồng*).

c) Khối lượng thực hiện hạng mục công việc: Khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai. (*Chi tiết tại các Phụ lục: 03 kèm theo hợp đồng*).

d) Toàn bộ khối lượng công việc thực hiện gói thầu: “Gói thầu số 01: Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng mỏ đồng Sin Quyền; đo địa vật lý khu Tây mỏ đồng Sin Quyền” thuộc Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu, đánh giá và phân vùng triển vọng các thân quặng đồng ẩn sâu”. (*Chi tiết tại các Phụ lục: 04 kèm theo hợp đồng*).

5.2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn thực hiện gói thầu theo các hạng mục công việc bao gồm:

5.2.1. *Hạng mục công việc: Khảo sát, thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai:*

a) Báo cáo kết quả khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền trong diện tích cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1868/GP-BTNMT ngày 02/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2km²).

b) Sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai (tỷ lệ 1.2000 - 5.000) và các mặt cắt cấu trúc địa chất;

c) Bộ dữ liệu file mềm: Sơ đồ, mặt cắt cấu trúc địa chất, bản vẽ, bảng biểu, tài liệu nguyên thủy, số liệu khảo sát ngoài trời và nghiên cứu trong phòng.

5.2.2. *Hạng mục công việc: Khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.*

a) Báo cáo kết quả đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.

b) Sơ đồ tuyến đo địa vật lý của 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) và các mặt cắt ĐVL.

c) Báo cáo trình tự các bước tiến hành 3 phương pháp đo địa vật lý (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích).

d) Bộ dữ liệu file mềm: Số liệu đo nguyên thủy, số liệu xử lý tham số ĐVL, thông số kết quả đo của 3 phương pháp đo địa vật lý; Sơ đồ, mặt cắt địa chất địa vật lý, bản vẽ, bảng biểu và tài liệu nguyên thủy của công tác khảo sát.

Điều 6. Chất lượng sản phẩm, nghiệm thu và bàn giao sản phẩm

6.1. Chất lượng sản phẩm tư vấn thực hiện gói thầu phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn đã ký kết.

6.2. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng tư vấn thực hiện gói thầu;
- Hồ sơ khảo sát và lập báo cáo kết quả thực hiện gói thầu gồm thuyết minh, bản vẽ và các tài liệu kèm theo;
- Biên bản nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn thực hiện gói thầu phải ghi rõ những sản phẩm đã đủ Điều kiện nghiệm thu và những nội dung cần phải hoàn thiện (nếu có);
- Số lượng hồ sơ, các dạng sản phẩm của Hợp đồng: (Chi tiết tại Phụ lục 08 kèm theo Hợp đồng);
- Các căn cứ pháp lý có liên quan.

6.3. Nghiệm thu:

- Công tác nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ các bước công việc được bên hai bên thống nhất nghiệm thu theo từng đợt như sau:

+ Lần 1: Sau khi bên B hoàn thành hạng mục công việc khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và khống chế quảng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và bàn giao đầy đủ sản phẩm cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành (*chi tiết như Phụ lục: 02 kèm theo hợp đồng*);

+ Lần 2: Sau khi bên B hoàn thành hạng mục công việc khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và bàn giao đầy đủ sản phẩm cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành (*chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo hợp đồng*);

+ Lần 3: Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc của hợp đồng và bàn giao đầy đủ sản phẩm của Hợp đồng cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu toàn bộ khối lượng hoàn thành của Hợp đồng (*chi tiết như Phụ lục: 04 kèm theo hợp đồng*).

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

7.1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng: 210 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, chỉnh sửa báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công tác áp dụng công nghệ tiên tiến địa chất - địa vật lý trong nghiên cứu thân quảng đồng ẩn sâu và các trường hợp bất khả kháng).

7.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

7.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 8. Giá trị hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

8.1. Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng (Đã bao gồm thuế VAT): **2.535.104.000** đồng.

(*Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm ba mươi lăm triệu, một trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

8.2. Nội dung của giá Hợp đồng:

* Giá Hợp đồng bao gồm: Toàn bộ chi phí thực hiện gói thầu (chi phí tiền lương, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và các chi phí khác có liên quan); Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn thực hiện gói thầu sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt; Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu.

* Giá hợp đồng không bao gồm: Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu; Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt.

8.3. Tạm ứng:

- Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của bên B.
- Hoàn trả tiền tạm ứng: Tạm ứng được thu hồi theo tỷ lệ % tương ứng qua các lần thanh toán và được thu hồi hết khi thanh toán đến 80% giá trị hợp đồng.

8.4. Thanh toán:

- Căn cứ các Biên bản kiểm tra, nghiệm thu của Chủ đầu tư với nhà thầu theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế theo từng đợt. Bên A sẽ tổ chức nghiệm thu và thanh toán cho bên B chia thành các đợt như sau:

+ Lần 1: Sau khi Nhà thầu hoàn thành hạng mục công việc Khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và bàn giao đầy đủ sản phẩm, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 80% giá trị khối lượng nội dung công việc được nghiệm thu.

+ Lần 2: Sau khi Nhà thầu hoàn thành hạng mục công việc Khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và bàn giao đầy đủ sản phẩm, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 80% giá trị khối lượng nội dung công việc được nghiệm thu (đã bao gồm thu hồi tạm ứng Hợp đồng).

+ Lần 3: Sau khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ nội dung của hợp đồng và bàn giao sản phẩm kèm theo Hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, chứng từ thanh toán của toàn bộ hạng mục công việc thực hiện gói thầu cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu tổng thể hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cấp vốn cho Chủ đầu tư.

- Thời gian các lần thanh toán: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ đề nghị thanh toán của bên B.

- Hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm:

- + Đề nghị thanh toán của nhà thầu;
- + Hóa đơn GTGT khối lượng công việc hoàn thành;
- + Biên bản nghiệm thu, giao nhận hồ sơ giữa bên A và bên B;
- + Bàn giao đầy đủ sản phẩm theo từng hạng mục công việc hoàn thành (*chi tiết tại Phụ lục số 08*).
- + Các tài liệu, chứng từ khác kèm theo (nếu có).

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: VND.

- Bên B xuất hóa đơn thuế GTGT cho bên A theo địa chỉ sau:

- + Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;
- + Địa chỉ số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- + Điện thoại: 024.6287.6666; Fax: 024. 6288.3333;

+ Số tài khoản: 107 114 851 000 017 tại: Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Long Biên Hà Nội.

8.5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

8.6. Hình thức chuyển tiền: Chuyển khoản.

Điều 9. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

10.1. Quyền của nhà thầu:

- a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc.
- b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.
- c) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

10.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành khi có yêu cầu của chủ đầu tư. Nghiệm thu sản phẩm báo cáo tác giả cùng chủ đầu tư theo quy định và các tiêu chuẩn của ngành, giải trình, làm rõ các nội dung có liên quan đến báo cáo tác giả theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- c) Tuyệt đối tuân thủ và đảm bảo an toàn về người và tài sản trong suốt quá trình thi công.
- d) Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng.

Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn được quy định trong hợp đồng. Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn theo các Điều Khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

f) Nhà thầu phải bố trí nhân lực, vật tư, thiết bị phù hợp thực hiện công việc đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ và phạm vi công việc của nhà thầu cần thực hiện, đáp ứng được mục tiêu, đối tượng, mức độ nghiên cứu theo yêu cầu kỹ thuật của Chủ đầu tư.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo nhân lực của tư vấn sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho chủ đầu tư đầy đủ các sản phẩm theo thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến

độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; ngày hoàn thành và bàn giao sản phẩm.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

11.1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến công trình; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

b) Tạo điều kiện và cung cấp hồ sơ, thủ tục liên quan cho nhà thầu tổ chức thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký. Yêu cầu tổ chức và cá nhân có liên quan phối hợp với nhà thầu thực hiện các công việc trong phạm vi hợp đồng.

c) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn, cùng nhà thầu tổ chức nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ hợp đồng.

d) Có quyền đình chỉ nhà thầu thực hiện gói thầu nếu cố tình làm sai với khối lượng, chất lượng gói thầu đã được thống nhất trong hợp đồng.

đ) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

e) Được quyền sử dụng các tài liệu của bên B thu thập trong quá trình thực hiện gói thầu;

f) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm do nhà thầu thực hiện theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng.

g) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

h) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

i) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

11.2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc thực hiện gói thầu chỉ nhà thầu.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nội dung công việc đảm bảo

tiến độ, chất lượng của gói thầu.

c) Tổ chức công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành theo tiến độ và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 12. Nhân lực của nhà thầu

12.1. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí đầy đủ nhân sự chính thực hiện công việc theo như trong Hồ sơ dự thầu, (chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo).

12.2. Trường hợp thay đổi nhân sự thực hiện, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn nhân sự được thay thế.

12.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

12.4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự phù hợp với điều kiện thực tế nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

Điều 13. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 14. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 15. Rủi ro và bất khả kháng

15.1. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho Bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra,

15.2. Thông báo về bất khả kháng:

a) Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của một bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các điều kiện thời tiết bất lợi như mưa, bão... hoặc sự ngăn cấm của cơ quan quản lý Nhà nước.

b) Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

c) Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dịch vụ do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

d) Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng

15.3. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

15.4. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong Khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán, và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử dụng.

Điều 16. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

16.1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

16.2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

16.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

17.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 7 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 10 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 15 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

17.2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 05 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 10 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 10 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

17.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

17.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

17.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 8 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 18. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

a) Thưởng hợp đồng: Không.

b) Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 15 của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp

đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A được quyền khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng mức phạt 1% giá hợp đồng/tuần, mức khấu trừ tối đa là 12% giá hợp đồng và Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định.

Điều 19. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

19.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

19.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

19.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

20.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

20.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 17 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 21. Điều Khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lý Xuân Tuyên

Phụ lục 01: Tọa độ điểm góc mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai

(Kèm theo Hợp đồng số 221/2021/HĐ-VIMICO - CODECO ngày 01/12/2021)

Tên điểm	Tọa độ VN2000- KTT 105° 00' múi 6 độ		Diện tích (ha)
	X(m)	Y(m)	
A	2502 829	376 335	200 (2km ²)
B	2501 299	378 910	
C	2500 704	378 550	
D	2502 229	375 985	

Phụ lục 02: Khối lượng công việc Khảo sát, thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai

(Kèm theo Hợp đồng số 221/2021/HĐ-VIMICO - CODECO ngày 01/12/2021)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Công tác khảo sát, lập bản đồ (sơ đồ cấu trúc kiến tạo)		
1.1	Ngoài trời	km ²	2
1.2	Trong phòng	km ²	2
1.3	Đo khe nứt	Ngày công/ Nhóm tổ	12
1.4	Xử lý số liệu đo khe nứt	Ngày	15
2	Công tác gia công và phân tích các mẫu thạch học lát mỏng, khoáng tương, và vi cấu tạo.		
2.1	Gia công mẫu		
-	Gia công mẫu thạch học lát mỏng	mẫu	60
-	Gia công mẫu định hướng và vi cấu tạo	mẫu	30
-	Gia công mẫu khoáng tương	mẫu	30
-	Gia công mẫu mài láng phục vụ phân tích phân tích SEM	mẫu	30
2.2	Phân tích mẫu		
-	Thạch học lát mỏng	mẫu	60
-	Định hướng và vi cấu tạo	mẫu	30
-	Mẫu khoáng tương	mẫu	30
-	Mẫu SEM	mẫu	30
3	Xử lý số liệu và xây dựng sơ đồ cấu trúc – kiến tạo và mặt cắt cấu trúc đi kèm (tỷ lệ 1:2000 - 5000) và lập Báo cáo kết quả khảo sát.		
-	Xây dựng sơ đồ, mặt cắt cấu trúc địa chất khu vực nghiên cứu	Bộ bản vẽ	01
-	Báo cáo kết quả khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền trong diện tích cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1868/GP-BTNMT ngày 02/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2km ²); Sơ đồ cấu trúc kiến tạo không chế quặng hóa đồng khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai tỷ lệ 1:2000 - 5.000. Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, biểu bảng, các tài liệu nguyên thủy của công tác khảo sát đo vẽ ngoài trời và công tác nghiên cứu trong phòng.	Báo cáo	01

Phụ lục 03: Khối lượng công việc Khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích)

(Kèm theo Hợp đồng số 221/2021/HĐ-VIMICO - CODECO ngày 01/12/2021)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
A	Công tác trắc địa định tuyến địa vật lý (khoảng cách cọc < 20m; KK3)	Km	6
B	Công tác Địa vật lý		
I	Đo từ proton (đo 50 tuyến và đo kiểm tra)	Điểm	
1	Thực địa	Điểm	1500
2	Trong Phòng	Điểm	1500
II	Đo sâu từ tellua (đo 6 tuyến và đo kiểm tra)		
1	Thực địa đo thử nghiệm và xây dựng mạng lưới tuyến đo ĐVL.	Điểm	10
2	Công tác thực địa	Điểm	189
3	Trong phòng	Điểm	189
III	Đo sâu phân cực kích thích (đo trùng vào các tuyến từ tellua triển vọng và đo kiểm tra) - ABmax 1000, địa hình loại III	Điểm	63
1	Thực địa	Điểm	63
2	Trong phòng	Điểm	63
3	Báo cáo kết quả đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và các tài liệu kèm theo (số liệu đo, tài liệu, bản đồ, bản vẽ); Trình tự các bước tiến hành 03 phương pháp đo địa vật lý (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích); Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, tài liệu nguyên thủy, bộ số liệu đo, tham số kết quả đo của các phương pháp địa vật lý ngoài trời và số liệu xử lý trong phòng.	BC + BV	01

Phụ lục 04: Khối lượng công việc thực hiện toàn bộ gói thầu

(Kèm theo Hợp đồng số 221/2021/HĐ-VIMICO - CODECO ngày 01/12/2021)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
A	Khảo sát, thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.		
1	Công tác lập bản đồ		
1.1	Ngoài trời	km ²	2
1.2	Trong phòng	km ²	2
1.3	Đo khe nứt	Ngày công/ Nhóm tổ	12
1.4	Xử lý số liệu đo khe nứt	Ngày	15
2	Công tác gia công và phân tích các mẫu thạch học lát mỏng, khoáng tương, và vi cấu tạo.		
2.1	Gia công mẫu		
-	Gia công mẫu thạch học lát mỏng	mẫu	60
-	Gia công mẫu định hướng và vi cấu tạo	mẫu	30
-	Gia công mẫu khoáng tương	mẫu	30
-	Gia công mẫu mài láng phục vụ phân tích phân tích SEM	mẫu	30
2.2	Phân tích mẫu		
-	Thạch học lát mỏng	mẫu	60
-	Định hướng và vi cấu tạo	mẫu	30
-	Mẫu khoáng tương	mẫu	30
-	Mẫu SEM	mẫu	30
3	Xử lý số liệu và xây dựng sơ đồ cấu trúc - kiến tạo và mặt cắt cấu trúc đi kèm (tỷ lệ 1/2.000 - 1/5.000)	BC+ BV	1
B	Khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai		
1	Công tác trắc địa định tuyến địa vật lý	Km	6
2	Công tác Địa vật lý		
2.1	Đo từ proton (50 tuyến và đo kiểm tra)		
a	Thực địa	Điểm	1500
b	Trong Phòng	Điểm	1500
2.2	Đo sâu từ tellua (6 tuyến và đo kiểm tra)		
a	Thực địa đo thử nghiệm và xây dựng mạng lưới tuyến đo ĐVL.	Điểm	10
b	Công tác thực địa	Điểm	189
c	Trong phòng	Điểm	189
2.3	Đo sâu phân cực kích thích (100÷250)m (đo trùng vào khu vực các tuyến từ tellua triển vọng và đo kiểm tra) - ABmax 1000, địa hình loại III.		
a	Thực địa	Điểm	63
b	Trong phòng	Điểm	63
C	Báo cáo kết quả khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền trong diện tích cấp phép khai thác theo Giấy phép	Báo cáo	01

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
	khai thác số 1868/GP-BTNMT ngày 02/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2km ²); Sơ đồ cấu trúc kiến tạo không chệch quặng hóa đồng khu vực mỏ đồng đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai tỷ lệ 1.2000 - 5.000; Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, biểu bảng, các tài liệu nguyên thủy của công tác khảo sát đo vẽ ngoài trời và công tác nghiên cứu trong phòng.		
D	Báo cáo kết quả đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và các tài liệu kèm theo (số liệu đo, tài liệu, bản đồ, bản vẽ); Trình tự các bước tiến hành 03 phương pháp đo địa vật lý (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích); Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, tài liệu nguyên thủy, bộ số liệu đo, tham số kết quả đo của các phương pháp địa vật lý ngoài trời và số liệu xử lý trong phòng.	Báo cáo	01
E	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công tác áp dụng công nghệ tiên tiến địa chất - địa vật lý trong nghiên cứu thân quặng đồng ẩn sâu và Hội thảo, Nghiệm thu gói thầu.	Báo cáo	01

Phụ lục 05: Danh sách nhân sự chính thực hiện gói thầu(Kèm theo Hợp đồng số 221/2021/HĐ-VIMICO - CODECO ngày 01/12/2021)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh trong gói thầu	Ghi chú
1	Ngô Xuân Thành	Tiến sĩ địa chất	Tư vấn trưởng	
2	Kiều Duy Thông	Tiến sĩ địa vật lý	Tư vấn phó	
3	Vũ Hồng Dương	Thạc sĩ kỹ thuật dầu khí; Kỹ sư Địa vật lý	Cán bộ tham gia	
4	Hoàng Đình Quế	Tiến sĩ công nghệ địa hóa và kỹ thuật hóa phân tích	Cán bộ tham gia	
5	Lê Trọng Thắng	Tiến sĩ địa chất công trình – Địa chất thủy văn	Cán bộ tham gia	
6	Bùi Vinh Hậu	Tiến sĩ địa chất	Cán bộ tham gia	
7	Lại Hợp Phòng	Tiến sĩ địa vật lý	Cán bộ tham gia	
8	Lê Văn Anh Cường	Tiến sĩ vật lý địa cầu	Cán bộ tham gia	
9	Ngô Thị Kim Chi	Tiến sĩ địa chất	Cán bộ tham gia	
10	Phạm Ngọc Đạt	Thạc sĩ kỹ thuật địa vật lý	Cán bộ tham gia	
11	Phạm Văn Bình	Thạc sĩ địa chất	Cán bộ tham gia	
12	Nguyễn Trung Thành	Thạc sĩ kỹ thuật trắc địa – bản đồ	Cán bộ tham gia	
13	Phan Viết Sơn	Kỹ sư địa chất – Tiến sĩ tìm kiếm và thăm dò	Cán bộ tham gia	
14	Đinh Huy Đức	Kỹ sư trắc địa	Cán bộ tham gia	
15	Trần Vũ Long	Tiến sĩ kỹ thuật địa chất	Cán bộ tham gia	
16	Phạm Quang Huy	Kỹ sư kỹ thuật trắc địa – bản đồ	Cán bộ tham gia	
17	Nguyễn Quốc Hưng	Thạc sĩ khoa học	Cán bộ tham gia	
18	Đỗ Duy Phúc	Kỹ sư kỹ thuật địa vật lý	Cán bộ tham gia	

Phụ lục 06: Bảng tổng hợp chi phí thực hiện gói thầu(Kèm theo Hợp đồng số **221**/2021/HĐ-VIMICO - CODECO ngày **01**/12/2021)

TT	Hạng mục	Đơn giá	Thành tiền
1	Công tác khảo sát, lập bản đồ (sơ đồ cấu trúc kiến tạo).	553.000.000	553.000.000
2	Công tác gia công và phân tích các mẫu thạch học lát mỏng, khoáng tương, và vi cấu tạo.	169.500.000	169.500.000
3	Xử lý số liệu và xây dựng sơ đồ cấu trúc – kiến tạo và mặt cắt cấu trúc đi kèm (tỷ lệ 1:2000 - 5000).	20.000.000	20.000.000
4	Công tác trắc địa định tuyến địa vật lý (khoảng cách cọc < 20m).	8.400.000	8.400.000
5	Công tác địa vật lý bằng phương pháp Đo từ proton (đo 50 tuyến và đo kiểm tra).	54.000.000	54.000.000
6	Công tác địa vật lý bằng phương pháp Đo sâu từ tellua (đo 6 tuyến và đo kiểm tra).	1.109.740.000	1.109.740.000
7	Công tác địa vật lý bằng phương pháp Đo sâu phân cực kích thích (đo trùng vào khu vực các tuyến từ tellua triển vọng và đo kiểm tra) -ABmax 1000, địa hình loại III.	315.000.000	315.000.000
8	Báo cáo kết quả khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền trong diện tích cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1868/GP-BTNMT ngày 02/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2km ²); Sơ đồ cấu trúc kiến tạo không chế quặng hóa đồng khu vực mỏ đồng đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai tỷ lệ 1.2000 - 5.000; Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, biểu bảng, các tài liệu nguyên thủy của công tác khảo sát đo vẽ ngoài trời và công tác nghiên cứu trong phòng.	20.000.000	20.000.000
9	Báo cáo kết quả đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và các tài liệu kèm theo (số liệu đo, tài liệu, bản đồ, bản vẽ); Trình tự các bước tiến hành 03 phương pháp đo địa vật lý (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích); Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, tài liệu nguyên thủy, bộ số liệu đo, tham số kết quả đo của các phương pháp địa vật lý ngoài trời và số liệu xử lý trong phòng.	20.000.000	20.000.000
10	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công tác áp dụng công nghệ tiên tiến địa chất - địa vật lý trong nghiên cứu thân quặng đồng ẩn sâu và Nghiệm thu gói thầu.	35.000.000	35.000.000
I	Tổng giá trị trước thuế		2.304.640.000
II	Thuế VAT (10%)		230.464.000
III	Tổng giá trị sau thuế VAT		2.535.104.000

Phụ lục 07: Bảng chi tiết giá trị thực hiện gói thầu
(Kèm theo Hợp đồng số **221/2021/HĐ-VIMICO - CODECO** ngày **01/12/2021**)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Khảo sát, thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế khoáng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.				742.500.000
1	Công tác lập bản đồ				553.000.000
1.1	Ngoài trời	km2	2	120.000.000	240.000.000
1.2	Trong phòng	km2	2	140.000.000	280.000.000
1.3	Đo khe nứt	Ngày công/ Nhóm tổ	12	2.000.000	24.000.000
1.4	Xử lý số liệu đo khe nứt	Ngày	15	600.000	9.000.000
2	Công tác gia công và phân tích các mẫu thạch học lát mỏng, khoáng tương, và vi cấu tạo.				169.500.000
2.1	Gia công mẫu				49.500.000
-	Gia công mẫu thạch học lát mỏng	mẫu	60	270.000	16.200.000
-	Gia công mẫu định hướng và vi cấu tạo	mẫu	30	270.000	8.100.000
-	Gia công mẫu khoáng tương	mẫu	30	420.000	12.600.000
-	Gia công mẫu mài láng phục vụ phân tích phân tích SEM	mẫu	30	420.000	12.600.000
2.2	Phân tích mẫu				120.000.000
-	Thạch học lát mỏng	mẫu	60	480.000	28.800.000
-	Định hướng và vi cấu tạo	mẫu	30	920.000	27.600.000
-	Mẫu khoáng tương	mẫu	30	570.000	17.100.000
-	Mẫu SEM	mẫu	30	1.550.000	46.500.000
3	Xử lý số liệu và xây dựng sơ đồ cấu trúc – kiến tạo và mặt cắt cấu trúc đi kèm (tỷ lệ 1/2.000 - 1/5.000)	BC+ BV	1	20.000.000	20.000.000
B	Khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.				1.487.140.000
1	Công tác trắc địa định tuyến địa vật lý	Km	6	1.400.000	8.400.000
2	Công tác Địa vật lý				1.478.740.000

2.1	Đo từ proton (50 tuyến và đo kiểm tra)					
a	Thực địa					54.000.000
b	Trong Phòng					45.000.000
2.2	Đo sâu từ tellua (6 tuyến và đo kiểm tra)					
a	Thực địa đo thử nghiệm và xây dựng mạng lưới tuyến đo ĐVL.					9.000.000
b	Công tác thực địa					1.109.740.000
c	Trong phòng					40.000.000
2.3	Đo sâu phân cực kích thích (trùng vào khu vực có các tuyến đo từ tellua triển vọng và đo kiểm tra) - ABmax 1000, địa hình loại III					
a	Thực địa					315.000.000
b	Trong phòng					264.600.000
C	Báo cáo kết quả khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền trong diện tích cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1868/GP-BTNMT ngày 02/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2km ²); Sơ đồ cấu trúc kiến tạo không chế quặng hóa đồng khu vực mỏ đồng đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai tỷ lệ 1:2000 - 5.000; Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, biểu bảng, các tài liệu nguyên thủy của công tác khảo sát đo vẽ ngoài trời và công tác nghiên cứu trong phòng.					20.000.000
D	Báo cáo kết quả đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và các tài liệu kèm theo (số liệu đo, tài liệu, bản đồ, bản vẽ); Trình tự các bước tiến hành 03 phương pháp đo địa vật lý (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích); Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, tài liệu nguyên thủy, bộ số liệu đo, tham số kết quả đo của các phương pháp địa vật lý ngoài trời và số liệu xử lý trong phòng.					20.000.000
E	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công tác áp dụng công nghệ tiên tiến địa chất - địa vật lý trong nghiên cứu thân quặng đồng ẩn sâu và Hội thảo, Nghiệm thu gói thầu.					35.000.000
I	Tổng cộng (A+B+C+D+E) trước thuế					
II	Thuế VAT (10%)					
III	Tổng cộng giá trị sau thuế (I+II)					

Phụ lục 08: DANH MỤC SẢN PHẨM GIAO NỘP(Kèm theo Hợp đồng số 221/2021/HĐ-VIMICO - CODECO ngày 01/12/2021)

TT	Danh mục sản phẩm	ĐVT	Số lượng (bộ sản phẩm)
1	Khảo sát, thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.		
1.1	Báo cáo kết quả khảo sát, đo vẽ thành lập sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng tại khu vực mỏ đồng Sin Quyền trong diện tích cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1868/GP-BTNMT ngày 02/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2km ²); Sơ đồ cấu trúc kiến tạo không chế quặng hóa đồng khu vực mỏ đồng đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai tỷ lệ 1.2000 - 5.000; <i>Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, biểu bảng, các tài liệu nguyên thủy của công tác khảo sát đo vẽ ngoài trời và công tác nghiên cứu trong phòng.</i>	Báo cáo	05
1.2	Sơ đồ cấu trúc kiến tạo và không chế quặng hóa đồng khu vực mỏ đồng đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai (tỷ lệ 1.2000 - 5.000) và các mặt cắt cấu trúc địa chất kèm theo.	Sơ đồ, mặt cắt	05
1.3	Bộ file dữ liệu: Sơ đồ, mặt cắt cấu trúc địa chất, bản vẽ, bảng biểu, tài liệu nguyên thủy, số liệu khảo sát ngoài trời và nghiên cứu trong phòng.	Đĩa CD	02
2	Khảo sát, đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.		
2.1	Báo cáo kết quả đo địa vật lý bằng 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) trên diện tích khu Tây mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai và các tài liệu kèm theo (số liệu đo, tài liệu, bản đồ, bản vẽ); Trình tự các bước tiến hành 03 phương pháp đo địa vật lý (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích); <i>Kèm theo các tài liệu: Sơ đồ, bản vẽ, tài liệu nguyên thủy, bộ số liệu đo, tham số kết quả đo của các phương pháp địa vật lý ngoài trời và số liệu xử lý trong phòng.</i>	Báo cáo	05
2.2	Sơ đồ tuyến đo địa vật lý của 3 phương pháp (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích) và các mặt cắt ĐVL.	Sơ đồ, mặt cắt	05
2.3	Báo cáo trình tự các bước tiến hành 3 phương pháp đo địa vật lý (từ proton, từ tellua và đo sâu phân cực kích thích)	Báo cáo	05

2.4	Bộ file dữ liệu: Số liệu đo nguyên thủy, số liệu xử lý tham số ĐVL, tham số kết quả đo của 3 phương pháp đo địa vật lý; Sơ đồ, mặt cắt địa chất địa vật lý, bản vẽ, bảng biểu và tài liệu nguyên thủy của công tác khảo sát đo ĐVL.	Đĩa CD	02
3	Báo cáo tổng hợp		
	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công tác áp dụng công nghệ tiên tiến địa chất - địa vật lý trong nghiên cứu thân quặng đồng ẩn sâu <i>(kèm theo các tài liệu sử dụng lập Báo cáo)</i>	Báo cáo	05